

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HT
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2022
V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Tấn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thuận**.
2. Ông **Bùi Dân An**.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn: Chị PTTr, sinh năm 1995 (có mặt).*

Địa chỉ: Số 3A, tổ 8, ấp TC, xã TrH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

* *Bị đơn: Anh NTĐ, sinh năm 1994 (có mặt).*

Địa chỉ: Số 112/11, hẻm 48, đường Nguyễn Chí Thanh, khu phố LT, phường LT Trung, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị PTTr trình bày:**

Chị và anh NTĐ bắt đầu chung sống từ năm 2014 và không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau, anh Đ. về cha mẹ ruột sống từ năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin Đ. ly hôn anh Đ..

Chị và anh Đ. chung sống có 01 con chung PGK, sinh ngày 01/8/2016, hiện đang sống cùng với anh Đ.. Khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh Đ. cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có ai nợ anh chị.

*** Bị đơn anh NTĐ trình bày:**

Anh thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị PTTTr về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay với yêu cầu ly hôn của chị Tr thì anh đồng ý do tình cảm vợ chồng không còn.

Có 01 con chung như lời trình bày của chị Tr. Nay anh xin Đ. trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có ai nợ anh chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Tr và anh Đ. là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung PGK, sinh năm 2016 cho anh Đ. chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh Đ. không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ. xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân của chị PTTTr và anh NTĐ thấy rằng: Chị Tr và anh Đ. sống chung với nhau vào năm 2014, không đăng ký kết hôn. Chị Tr và anh Đ. thừa nhận cuộc sống vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau, anh Đ. về cha mẹ ruột sống từ năm 2017 cho đến nay.

Xét thấy chị Tr và anh Đ. sống chung với nhau vào năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không Đ. pháp luật công nhận là vợ chồng, do đó cần tuyên bố không công nhận chị Tr và anh Đ. là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Tr và anh Đ. chung sống có 01 con chung PGK, sinh ngày 01/8/2016 hiện đang sống với anh Đ..

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị Tr, anh Đ. thấy rằng: Cháu K đã sống cùng với anh Đ. từ ngày 03/8/2017 cho đến nay, cháu vẫn phát triển tâm sinh lý bình thường, chị Tr thừa nhận chị thăm nom cháu K không bị ai cản trở. Tại phiên tòa, chị Tr và anh Đ. tự nguyện thỏa thuận giao cháu K cho anh Đ. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên cần công nhận. Anh Đ. không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận. Chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu K mà không ai Đ. cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh Đ. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận chị **PTTr** và anh **NTĐ** là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị **PTTr** và anh **NTĐ** cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh **NTĐ Đ.** quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **PGK** sinh ngày 01/8/2016.

Ghi nhận anh **NTĐ** không yêu cầu chị **PTTr** cấp dưỡng nuôi con.

Chị **PTTr** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai **Đ.** cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **PTTr** và anh **NTĐ** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Chị **PTTr** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **Tr** đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0020291 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã **HT**, tỉnh **Tây Ninh**. Ghi nhận chị **Tr** đã nộp án phí xong.

Báo cho chị **Tr**, anh **Đ.** biết có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh **TN** trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh **TN**;
- VKSND tỉnh **TN**;
- VKSND thị xã **HT**;
- Chi cục **THADS** thị xã **HT**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM TẤN NHÀN